

BÁO CÁO CẬP NHẬT

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

DPM



Tháng 02.2017

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

THÔNG TIN NIÊM YẾT	
Tên Công ty	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
Ngành nghề	Phân bón, hóa chất
Sàn giao dịch	HSX
Mã chứng khoán	DPM
Vốn điều lệ	3.914 tỷ đồng
Vốn hóa: 21/02/2017	9.568 tỷ đồng
Giá cổ phiếu: 21/02/2017	24.300 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐỒNG	
Petro Vietnam	59,58%
Cổ đồng khác	40,42%



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
	2014	2015	2016
Tổng tài sản	10.111	10.919	9.569
Vốn chủ sở hữu	8.788	8.548	8.216
Doanh thu thuần	9.549	9.765	7.925
Lợi nhuận gộp	2.428	3.153	2.396
Lợi nhuận trước thuế	1.285	1.880	1.393
Lợi nhuận ròng	1.134	1.522	1.152
LNST cổ đông cty mẹ	1.096	1.488	1.128
EPS (đ)	-	3.295	2.554
Tỷ lệ cổ tức (%)	30%	40%	30%

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập năm 2003 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/01/2004. Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay, sản phẩm chủ lực của Tổng công ty là phân đạm (Urê) hạt trong, phân NPK, Kali, SA, DAP phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước, khí Amoniac lỏng, hóa chất UFC85/Formaldehyde. Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trải qua 13 năm hình thành và phát triển, PVFCCo đã đạt được những thành quả hết sức ấn tượng trong sản xuất & kinh doanh và vươn lên dẫn đầu thị trường phân urê tại Việt Nam với thị phần lên tới 40%.

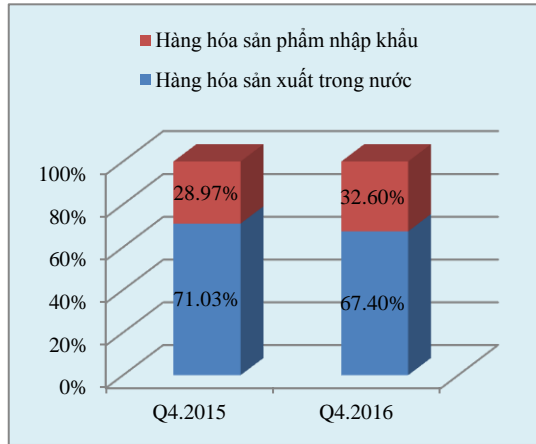
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV/2016

Năm 2016. DPM đặt kế hoạch doanh thu 9.105 tỷ đồng và 1.228 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Đến phút chót, Đạm Phú Mỹ đã xin điều chỉnh giảm 13,4% chỉ tiêu tổng doanh thu, từ 9.105 tỷ đồng xuống còn 7.890 tỷ đồng. Đồng thời lợi nhuận sau thuế cũng điều chỉnh giảm 18%, xuống còn 1.140 tỷ đồng.

Trong Quý IV/2016. doanh thu thuần đạt 1.677,84 tỷ đồng, giảm 29,13% so với cùng kỳ năm 2015. Trong khi giá vốn giảm 16,23% xuống còn trên 1.300 tỷ đồng. Chính điều này khiến lợi nhuận gộp trong kỳ giảm mạnh 53,69% so với cùng kỳ năm 2015, đạt 377,57 tỷ đồng. Doanh thu tài chính trong Quý IV/2016 đạt 58,29 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,52% so với cùng kỳ năm 2015. Các chi phí trong kỳ như chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng đều giảm so với Quý III/2015, trong đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 182,26 tỷ đồng và 97,69 tỷ đồng, lần lượt giảm 17,28% và 57,26%. Lợi nhuận trước và sau thuế trong kỳ đạt 160,91 tỷ đồng và 142,78 tỷ đồng, lần lượt giảm 62,43% & 55,27% so với cùng kỳ năm 2015. Nguyên nhân kết quả kinh doanh Quý IV/2016 có sự sụt giảm so với cùng kỳ năm 2015 là do giá bán giảm, dẫn tới doanh thu giảm mạnh.

Lũy kế cả năm 2016, doanh thu thuần đạt 7.924,79 tỷ đồng, giảm 18,84% so với năm 2015 trong khi giá vốn hàng bán đạt gần 5.529 tỷ đồng, giảm 16,39% so với năm 2015. Lợi nhuận gộp năm 2016 đạt 2.395,84 tỷ đồng, giảm 24% so với năm 2015. Doanh thu tài chính đạt trên 234 tỷ đồng, giảm 8,78% so với năm 2015. Chi phí tài chính năm 2016 tăng mạnh 93,55% so với năm 2015 nhưng khoản mục này chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong cơ cấu chi phí của DPM nên không ảnh hưởng đáng kể. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2016 đạt 735,47 tỷ đồng và 499,37 tỷ đồng, lần lượt giảm 2,07% và 16,36% so với năm 2015. Lợi nhuận trước và sau thuế trong năm 2016 lần lượt đạt 1.393 tỷ đồng và 1.151,51 tỷ đồng, giảm 25,91% & 24,37% so với năm 2015. Như vậy, kết thúc năm DPM hoàn thành 101,56% kế hoạch doanh thu và 101,01 kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2016.

Cơ cấu Doanh thu thuần của DPM

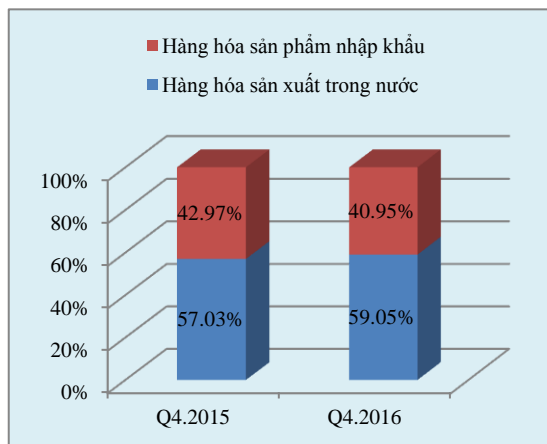


Một số chỉ tiêu tài chính Quý IV/2016 của DPM

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Quý IV.2016	Quý IV.2015	Thay đổi (%)	Lũy kế 2016	Lũy kế 2015	Thay đổi (%)
Doanh thu thuần	1,677.84	2,367.48	-29.13%	7,924.79	9,764.95	-18.84%
Giá vốn hàng bán	1,300.26	1,552.19	-16.23%	5,528.95	6,612.42	-16.39%
Lợi nhuận gộp	377.57	815.29	-53.69%	2,395.84	3,152.52	-24.00%
Doanh thu tài chính	58.29	60.42	-3.52%	234.04	256.56	-8.78%
Chi phí tài chính	0.85	0.92	-7.48%	13.69	7.07	93.55%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>0.00</i>	<i>0.18</i>	<i>-100.00%</i>	<i>4.47</i>	<i>2.57</i>	<i>74.15%</i>
Chi phí bán hàng	182.26	220.33	-17.28%	735.47	750.99	-2.07%
Chi phí quản lý Doanh nghiệp	97.69	228.58	-57.26%	499.37	597.08	-16.36%
Lợi nhuận khác	4.67	1.43	226.82%	7.86	24.59	-68.03%
<i>Lãi/lỗ liên doanh liên kết</i>	<i>1.19</i>	<i>1.02</i>	<i>16.73%</i>	<i>3.84</i>	<i>-198.27</i>	<i>-101.93%</i>
Lợi nhuận trước thuế	160.91	428.32	-62.43%	1,393.06	1,880.27	-25.91%
Lợi nhuận sau thuế	142.78	319.20	-55.27%	1,151.51	1,522.46	-24.37%
EPS	290	514	-43.58%	2,554	3,295	-22.49%

Cơ cấu Giá vốn hàng bán của DPM

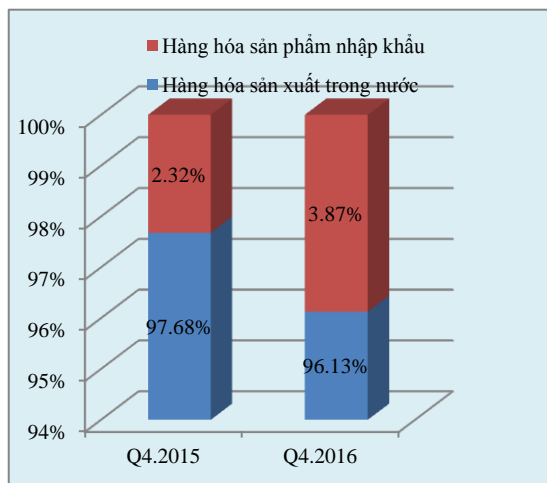


Trong bối cảnh giá khí sụt giảm và ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của các công ty trong đó có DPM, năm 2017 Công ty đề ra kế hoạch kinh doanh thận trọng.

Về chỉ tiêu sản lượng, năm 2017 Đạm Phú Mỹ dự kiến sẽ sản xuất được 990.000 tấn Đạm Phú Mỹ và 13.000 tấn UFC 85/Formaldehyde. Đồng thời dự kiến tiêu thụ được 790.000 tấn Đạm Phú Mỹ và 311.000 tấn các loại phân bón khác cùng 11.000 tấn hóa chất.

Về kế hoạch tài chính, năm 2017 Tổng công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu 7.743 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 823 tỷ đồng, giảm lần lượt 3,37% và 28,53% so với thực hiện năm 2016.

Cơ cấu lợi nhuận gộp của DPM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ KINH DOANH	2014	2015	2016	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	2014	2015	2016
Doanh thu thuần	9.549	9.765	7.925	I. Lưu chuyển tiền từ HĐKD			
Giá vốn hàng bán	7.121	6.612	5.529	1. Lợi nhuận trước thuế	1.285	1.880	1.393
Lợi nhuận gộp	2.428	3.153	2.396	2. Điều chỉnh cho các khoản			
Doanh thu HĐ tài chính	407	257	234	Khấu hao	269	265	248
Chi phí tài chính	5	7	14	Các khoản dự phòng	163	305	177
Chi phí bán hàng	702	751	735	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	-125	-72	-228
Chi phí quản lý doanh nghiệp	571	597	499	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá			
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.278	1.856	1.385	Chi phí lãi vay	3	3	4
Lợi nhuận khác	7	25	8	3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi			
Lợi nhuận trước thuế	1.285	1.880	1.393	vốn lưu động	1.638	2.380	1.594
Lợi nhuận sau thuế	1.134	1.522	1.152	Tăng, giảm các khoản phải thu	-179	-58	37
EPS (VND)	2.506	3.295	2.554	Tăng, giảm hàng tồn kho	-139	91	399
				Tăng, giảm các khoản phải trả	-401	-233	89
				Tăng, giảm chi phí trả trước	26	20	-33
				Tiền lãi vay đã trả	-3	-3	-4
				Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-123	-280	-318
				Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	106	18
				Tiền chi khác cho hoạt động kinh			
				doanh	-212	-384	-242
				Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	608	1.640	1.521
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2014	2015	2016	II. Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư			
Tài sản ngắn hạn	7.201	8.082	5.816	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	-204	-960	-964
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.078	5.690	4.099	2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	-	71	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	77	81	55	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ			
Các khoản phải thu ngắn hạn	406	821	512	nợ của đơn vị khác	-6	-11	-150
Hàng tồn kho	1.492	1.365	923	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các			
Tài sản ngắn hạn khác	147	125	227	công cụ nợ của đơn vị khác	1.664	7	165
Tài sản dài hạn	2.910	2.837	3.753	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị			
Tài sản cố định	2.049	1.854	1.910	khác	-29	-	-
Các khoản phải thu dài hạn	2	22	2	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn			
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	47	45	vị khác	136	2	30
Tài sản dở dang dài hạn	247	612	1.350	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi			
Tài sản dài hạn khác	109	87	163	nhuận được chia	368	249	231
Tổng cộng tài sản	10.111	10.919	9.569	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	1.928	-642	-688
Nợ phải trả	1.106	2.372	1.353	III. Lưu chuyển tiền từ HĐTC			
Nợ ngắn hạn	1.044	1.835	1.159	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu			114
Nợ dài hạn	62	536	194	2. Cổ phiếu quỹ			
Vốn chủ sở hữu	9.005	8.548	8.216	3. Tiền thu từ đi vay	261	361	6
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.800	3.800	3.914	4. Tiền trả nợ gốc vay	-235	-177	-233
Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.470	1.038	612	6. Cổ tức đã trả	-1.516	-570	-2.312
Quỹ đầu tư phát triển	3.496	3.499	3.497	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	-1.490	-386	-2.425
Tổng cộng nguồn vốn	10.111	10.919	9.569	tài chính			
				Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.046	612	-1.591
				Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4.032	5.078	5.690
				Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái			
				quy đổi ngoại tệ			
				Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.078	5.690	4.098

Nguồn: BCTC của công ty

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Hệ thống khuyến nghị của PSI được xây dựng dựa trên mức chênh lệch giữa kết quả định giá và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm định giá. Có giá trị 6 tháng kể từ thời điểm phát hành báo cáo. Có 3 mức khuyến nghị cho mỗi cổ phiếu, tương ứng với từng mức chênh lệch. Các khuyến nghị có thể được thay đổi sau mỗi lần cập nhật hoặc đánh giá lại để phù hợp với tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- **MUA:** khi giá thị trường thấp hơn giá định giá 15%
- **GIỮ:** khi giá thị trường nằm trong biên độ giá định giá +/- 15%
- **BÁN:** khi giá thị trường cao hơn giá định giá 15%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2015 thuộc về Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và PSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của PSI. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của PSI.